

Số: /GPMT-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét Văn bản số 506/2026/SZC-DA ngày 06 tháng 04 năm 2026 của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức về việc chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Khu công nghiệp Châu Đức" tại thành phố Hồ Chí Minh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức, địa chỉ tại Tầng 9, Cao ốc Sonadezi, số 1, đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Khu công nghiệp Châu Đức địa chỉ tại phường Tân Thành, xã Châu Pha, xã Ngãi Giao và xã Nghĩa Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Châu Đức.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Tân Thành, xã Châu Pha, xã Ngãi Giao và xã Nghĩa Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600899948 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 06 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 23 tháng 09 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 0805454868 chứng nhận lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2008, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 09 ngày 10 tháng 11 năm 2025 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.4. Mã số thuế: 3600899948.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, gồm các ngành, nghề được phân loại theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9

năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm:

TT	Tên ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
1	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	A01630
2	Sản xuất, chế biến thực phẩm (<i>không bao gồm chế biến bột mì</i>)	C10
3	Sản xuất đồ uống	C11
4	Dệt (<i>không bao gồm công đoạn nhuộm</i>)	C13
5	Sản xuất trang phục (<i>có công đoạn giặt, tẩy</i>)	C14 (trừ C142)
6	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (<i>không bao gồm thuộc da và nhuộm da</i>)	C15
7	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	C16 (trừ C16292)
8	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (<i>không bao gồm sản xuất bột giấy</i>)	C17 (trừ C17010)
	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (<i>không sản xuất từ bột giấy ép hoặc đúc; không bao gồm công đoạn hồ, tạo màu</i>)	C17090
9	In, sao chép bản ghi các loại	C18110
10	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm nhiên liệu hóa thạch	C19200
11	Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất (<i>chỉ thu hút các ngành nghề phối trộn hóa chất, không bao gồm sản xuất hóa chất từ nguyên liệu cơ bản</i>)	C20 (trừ C20132)
	Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	C20232
12	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C21
13	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	C22
	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	C22190
14	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	C23 (trừ C2394)
15	Sản xuất kim loại (<i>có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm</i>)	C24
16	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) (<i>có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm</i>)	C25 (trừ C2512; C252)
17	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (<i>có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm</i>)	C26
18	Sản xuất thiết bị điện (<i>có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm</i>)	C27
19	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu (<i>có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm</i>)	C28 (trừ C2815; C2818; C2821, C2822, C2823; C2824; C2825; C28291)
	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	C28120
	Sản xuất thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	C28160
20	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác (<i>có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm</i>)	C29
21	Sản xuất phương tiện vận tải khác (<i>có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm</i>)	C30 (trừ C302; C304)
22	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C31 (trừ C3109)

	Sản xuất giường tủ, bàn ghế bằng kim loại (có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm)	C3102
23	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác (có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm)	C32
	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	C3212
24	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị (có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm)	C33
25	Điện mặt trời	D35123
26	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	D3520
27	Sản xuất nước đá	D35302
28	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	E36
29	Thoát nước và xử lý nước thải	E37
30	Tái chế phế liệu phi kim loại (nhựa)	E38302
31	Bán buôn	G46
32	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	H521
33	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	H5222
34	Logistics	H5229
35	Bưu chính và chuyển phát	H53
36	Xuất bản phần mềm	J582
37	Hoạt động viễn thông	K61
38	Lập trình máy tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động liên quan	K62
39	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các dịch vụ thông tin liên quan khác (có trung tâm dữ liệu DATA)	K63
40	Cho thuê và vận hành nhà và đất không để ở	M68104
41	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	O8299
42	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú (Giặt là công nghiệp)	T96100

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích: 1.556,14 ha. Trong đó:

+ Giai đoạn 1: 1.068 ha (đã hoàn thành).

+ Giai đoạn 2: 488,14 ha (tiếp tục thực hiện).

- Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP).

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày.....tháng.....năm 2033).

Giấy phép môi trường số 68/GPMT-BTNMT ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục trưởng Cục Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở NN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ban Quản lý các KCX và CN Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức;
- Bộ phận Một cửa, Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, MT, Hieu.10.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ quá trình hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung số 02 (nhà vệ sinh của nhà điều hành, phòng thí nghiệm, máy ép bùn, sân chứa bùn) của Khu công nghiệp Châu Đức (sau đây gọi là Khu công nghiệp).
- Nguồn số 02: Nước thải từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp (không bao gồm các cơ sở thứ cấp được miễn trừ đầu nối theo quy định của pháp luật).
- Nguồn số 03: Nước thải từ sân golf Châu Đức.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư Sonadezi Hữu Phước.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ văn phòng Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Sông Xoài thuộc địa phận xã Ngãi Giao, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Sông Xoài, xã Ngãi Giao, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 1.170.716$; $Y(m) = 436.061$ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).
- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $12.500 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý tự chảy qua tuyến mương dẫn bên trong Trạm xử lý nước thải, sau đó dẫn ra sông Xoài.
- Hình thức xả: Tự chảy (xả mặt, xả ven bờ).

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A; $K_q=0,9$ và $K_f=0,9$) (đến ngày 31 tháng 12 năm 2031) và QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (từ ngày 01 tháng 01 năm 2032), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Đến ngày 31/12/2031	Kể từ ngày 01/01/2032		
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	-	-	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	40	≤ 40		
3	pH	-	6 - 9	6 - 9		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	40,5	≤ 30		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,05	≤ 5		
6	COD	mg/l	60,75	≤ 60		
7	Độ màu	Pt/Co	50	≤ 50	03 tháng/lần	Không yêu cầu
8	BOD ₅ (20°C)	mg/l	24,3	≤ 30		
9	Asen	mg/l	0,0405	≤ 0,05		
10	Thủy ngân	mg/l	0,00405	≤ 0,001		
11	Chì	mg/l	0,081	≤ 0,10		
12	Cadimi	mg/l	0,0405	≤ 0,02		
13	Crom (VI)	mg/l	0,0405	≤ 0,10		
14	Crom (III)	mg/l	0,162	-		
15	Đồng	mg/l	1,62	≤ 1		
16	Kẽm	mg/l	2,43	≤ 1		
17	Niken	mg/l	0,162	≤ 0,1		
18	Mangan	mg/l	0,405	≤ 2		
19	Sắt	mg/l	0,81	≤ 2		
20	Tổng xianua	mg/l	0,0567	≤ 0,20		
21	Clorua	mg/l	405	≤ 500		
22	Tổng phenol	mg/l	0,081	≤ 1		
23	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05	≤ 1		
24	Sunfua	mg/l	0,162	≤ 0,20		
25	Florua	mg/l	4,05	≤ 3		
26	Tổng nitơ	mg/l	16,2	≤ 20		
27	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,24	≤ 4		
28	Clo dư	mg/l	0,81	≤ 1		
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	-		
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	-		
31	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000	≤ 3.000	01 năm/lần	
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0405	≤ 0,05		
33	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,0243	≤ 0,3		
34	Tổng PCB	mg/l	0,00243	≤ 0,003		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung số 02 (nguồn số 01) (nước thải từ khu vệ sinh của nhà điều hành được thu gom đưa về bể tự hoại có dung tích 12,1 m³, nước thải từ phòng thí nghiệm, máy ép bùn, sân chứa bùn) của Khu công nghiệp được thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung số 02 để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp (nguồn số 02) được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp được thu gom đưa về Trạm xử lý nước thải tập trung số 02 để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ sân golf Châu Đức (nguồn số 03) (nước thải từ khu vệ sinh được thu gom đưa về bể tự hoại, nước thải từ nhà ăn được xử lý bằng bể tách dầu mỡ và nước thải rửa xe (xe điện, xe cút cò) tại sân golf Châu Đức) được dẫn vào hệ thống thu gom nước thải của khu đô thị Châu Đức và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung số 02 để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư Sonadezi Hữu Phước (nguồn số 04) được thu gom đưa về các bể tự hoại đặt tại từng khu vực của Khu đô thị Châu Đức trước khi dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung số 02 để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ văn phòng Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (nguồn số 05) được thu gom đưa về bể tự hoại (05 bể tự hoại đặt tại nhà vệ sinh khu vực văn phòng Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức có dung tích là: 03 bể thể tích mỗi bể 11,5 m³/bể và 02 bể thể tích mỗi bể là 7,5 m³/bể) sau đó dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung số 02 để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Đã xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung số 02 có tổng công suất thiết kế 12.500 m³/ngày đêm (mô-đun 1 công suất thiết kế 500 m³/ngày đêm, mô-đun 2 công suất thiết kế 4.000 m³/ngày đêm và mô-đun 3 công suất thiết kế 8.000 m³/ngày đêm):

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Mô-đun 1: Nước thải → Song tách rác thô → Hồ thu/bể lắng cát 1 (dùng chung mô-đun 1 và mô-đun 2) → Song chắn rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng 1 và 2 (dùng chung cả 3 mô-đun) → Mương quan trắc (dùng chung cả 3 mô-đun) → Sông Xoài (điểm xả thải chung cả 3 mô-đun).

+ Mô-đun 2: Nước thải → Song tách rác thô → Hồ thu/bể lắng cát 1 (dùng chung mô-đun 1 và mô-đun 2) → Song chắn rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể kiểm soát → Bể vi sinh Anoxic-Oxic (mương oxy hóa) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng 1 và 2 (dùng chung cả 3 mô-đun) → Mương quan trắc (dùng chung cả 3 mô-đun) → Sông Xoài (điểm xả thải chung cả 3 mô-đun).

+ Mô-đun 3: Nước thải → Song tách rác thô → Mương lắng cát/ Hồ thu 2 → Song chắn rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể kiểm soát → Bể vi sinh Anoxic-Oxic (mương oxy hóa) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng 1 và 2 (dùng chung cả 3 mô-đun) → Mương quan trắc (dùng chung cả 3 mô-đun)

→ Sông Xoài (điểm xả thải chung cả 3 mô-đun).

- Hóa chất sử dụng: H_2SO_4 , NaOH, phèn, Polymer Anion, mật rỉ đường, Chlorine, Polymer Cation (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm (đã lắp đặt).

- Vị trí: Mương quan trắc nước thải sau xử lý của Trạm xử lý nước thải tập trung số 02.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: Đã lắp đặt 01 camera giám sát bên trong nhà trạm quan trắc và 01 camera giám sát tại mương quan trắc.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu quan trắc đã được truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 02 hồ ứng phó sự cố tổng dung tích thiết kế $33.000 m^3$ (hồ sự cố 1 dung tích $4.400 m^3$ và hồ sự cố 2 dung tích $28.600 m^3$) đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động phát sinh nước thải từ các doanh nghiệp, kiểm tra đầu nối. Lập danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, định kỳ hoặc đột xuất lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp này.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng nạo vét đường ống để phát hiện và xử lý kịp thời trường hợp sự cố tắc nghẽn và rò rỉ trong Trạm xử lý nước thải tập trung. Trang bị thiết bị dự phòng cho một số máy móc dễ hư hỏng như bơm dự phòng, máy thổi khí, các phụ tùng khác.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của Trạm xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Hàng ngày, thực hiện kiểm tra một số thông số (lưu lượng, nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni) nước thải sau xử lý để giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, kịp thời ứng phó sự cố đối với Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Lập kế hoạch kiểm soát chất lượng nước thải trong đó có kế hoạch kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung, kiểm soát quy trình vận hành, kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý trạm xử lý nước thải tập trung và kiểm soát toàn bộ quá trình xử lý nước thải.

- Kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào từ các doanh nghiệp thứ cấp: Lập kế hoạch kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào của các doanh nghiệp thứ cấp và tiến hành lấy mẫu tại hố ga nước thải được đặt tại hàng rào của doanh nghiệp theo kế hoạch, phân tích chất lượng nước tại phòng thí nghiệm của trạm xử lý nước thải tập trung hoặc gửi về phòng thí nghiệm của đơn vị vận hành thuê trạm xử lý nước thải tập trung của cơ sở để phân tích.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc Trạm xử lý nước thải tập trung, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật; kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của Trạm xử lý nước thải; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành Trạm xử lý nước thải; bố trí thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế trong trường hợp cần thiết.

- Bố trí các cán bộ kỹ thuật có chuyên môn và được đào tạo đúng chuyên ngành để tham gia vào quá trình vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Đối với chất lượng nước thải sau xử lý: Công tác giám sát chất lượng nước thải sau xử lý được thực hiện liên tục, tự động thông qua trạm quan trắc chất lượng nước thải. Số liệu quan trắc được lưu trữ và theo dõi tại Công ty. Trường hợp phát hiện sự cố, cán bộ vận hành sẽ tiến hành khắc phục ngay.

1.4.3. Biện pháp ứng phó sự cố:

- Trường hợp Trạm xử lý nước thải tập trung bị sự cố hoặc nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép thông qua việc kiểm soát bằng hệ thống quan trắc tự động, liên tục, nước thải theo mương dẫn M2 vào hồ sự cố 2, khi đạt đến cao độ ống cống thông giữa 2 hồ tại mực nước -1,7m của hồ sự cố 2 thì nước thải sẽ chảy tràn từ hồ sự cố 2 sang hồ sự cố 1 bằng cống ly tâm D1000 để lưu giữ. Hồ bơm được đặt tại hồ sự cố 2 sẽ bơm tuần hoàn nước thải về bể tách dầu của 03 mô-đun để tái xử lý lại. Sau khi đã khắc phục xong sự cố của Trạm xử lý nước thải tập trung, vận hành lại hệ thống bình thường.

- Trường hợp nước thải vượt quy chuẩn xả thải hoặc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, cần dừng để sửa chữa, thay thế: Nhân viên vận hành hệ thống tiến hành đóng van xả nước thải vào mương M1, đồng thời mở van dẫn nước thải vào mương dẫn M2 ra hồ sự cố 2, dừng bơm nước thải tại hồ thu lên hệ thống xử lý. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải từ hồ sự cố được bơm trở lại bể tách dầu của 03 mô-đun để xử lý.

- Trường hợp chất lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận (lưu lượng, tải lượng): Nước thải theo mương dẫn M2 vào hồ sự cố 2, khi đạt đến cao độ ống cống thông giữa 2 hồ tại mực nước -1,7m của hồ sự cố 2 thì nước thải sẽ chảy tràn từ hồ sự cố 2 sang hồ sự cố 1 bằng cống ly tâm D1000 để lưu giữ. Hồ bơm được đặt tại hồ sự cố 2 sẽ bơm tuần hoàn nước thải về bể tách dầu của mô-đun 2 và mô-đun 3 để tái xử lý lại.

- Trường hợp mô-đun 1 gặp sự cố hoặc một trong các mô-đun gặp sự cố: Nước thải sau xử lý từ mô-đun 1 bị sự cố hoặc một trong các mô-đun gặp sự cố, không đạt tiêu chuẩn xả thải sẽ được dẫn vào mương dẫn M2 đến hồ sự cố 2, khi đạt đến cao độ ống cống thông giữa 2 hồ thì sẽ chảy tràn sang hồ sự cố 1 bằng cống ly tâm bê tông cốt thép D1000 để lưu giữ. Hồ bơm được đặt tại hồ sự cố 2 để bơm tuần hoàn nước thải về bể tách dầu của mô-đun 2 và mô-đun 3 để tuần hoàn tái xử lý. Nước thải từ một trong các mô-đun gặp sự cố sẽ được dẫn theo mương M2 đến hồ sự cố 2 và được bơm tuần hoàn về các mô-đun để tái xử lý.

- Trường hợp hồ sự cố vượt quá khả năng lưu chứa: Chủ cơ sở liên hệ với các cơ sở thành viên trong khu công nghiệp, đặc biệt là các cơ sở phát sinh lượng nước thải lớn để tạm thời lưu chứa trong các bể, thiết bị của các cơ sở, giảm thiểu lượng nước thải về nhà máy xử lý nước thải tập trung, đồng thời điều động toàn bộ nhân viên vận hành sửa chữa, khắc phục sự cố.

- Trường hợp lưu lượng nước thải đầu vào lớn hơn công suất thiết kế: Bơm điều tiết một phần nước thải tiếp nhận sang lưu chứa tạm thời tại hồ sự cố; xác định doanh nghiệp xả nước thải với lưu lượng lớn, vượt công suất đã đăng ký; yêu cầu doanh nghiệp đó điều chỉnh lưu lượng xả nước thải, đảm bảo công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	40

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
2	pH	-	5 – 10
3	Màu	Pt/Co	50
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	300
5	COD	mg/l	500
6	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	150
7	Asen	mg/l	0,0405
8	Thủy ngân	mg/l	0,00405
9	Chì	mg/l	0,081
10	Cadimi	mg/l	0,0405
11	Crom (VI)	mg/l	0,0405
12	Crom (III)	mg/l	0,162
13	Đồng	mg/l	1,62
14	Kẽm	mg/l	2,43
15	Niken	mg/l	0,162
16	Mangan	mg/l	0,405
17	Sắt	mg/l	0,81
18	Tổng Xianua	mg/l	0,0567
19	Tổng Phenol	mg/l	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	20
21	Clo dư	mg/l	2,42
22	Tổng PCBs	mg/l	0,00243
23	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	0,243
24	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,0405
25	Sulfua	mg/l	3,0
26	Florua	mg/l	4,05
27	Clorua	mg/l	500
28	Amoni (tính theo N)	mg/l	20
29	Tổng nitơ	mg/l	40
30	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	8
31	Coliform	MPN/100ml	Không giới hạn
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Mô đun 3 công suất 8.000 m³/ngày đêm thuộc Trạm xử lý nước thải tập trung số 02.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đầu vào: Tại mương lắng cát/bể thu gom của mô đun 3 trạm xử lý nước thải.

- Đầu ra: Tại bể lắng sinh học của mô đun 3 và tại mương quan trắc của trạm xử lý nước thải tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT), cụ thể như sau:

- Giai đoạn vận hành điều chỉnh hiệu quả: Ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm; tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 05 lần, 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của mỗi trạm xử lý nước thải).

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 07 ngày liên tiếp; tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của mỗi trạm xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp và Khu đô thị Châu Đức (bao gồm sân golf Châu Đức và khu dân cư Sonadezi Hữu Phước) bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý và xả nước thải sau xử lý. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải sau xử lý phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP). Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải phải bảo đảm đầy đủ kết quả quan trắc chất thải theo kế hoạch vận hành thử nghiệm được nêu trong Giấy phép môi trường này.

3.5. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên,

ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP) và Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.6. Có kế hoạch và lộ trình nâng cấp, cải tạo (trường hợp cần thiết) hệ thống xử lý nước thải để bảo đảm giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn tiếp nhận đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032.

3.7. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này ra môi trường.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy thổi khí của mô-đun 1 của trạm xử lý nước thải tập trung số 02.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng công suất 500 KVA tại khu vực Trạm xử lý nước thải tập trung số 02.
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng công suất 650 KVA tại khu vực Trạm xử lý nước thải tập trung số 02.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH):

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	20
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	40
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	20
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 01	30
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	200
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	20
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	400
	Tổng khối lượng		730

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	379.548

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Hoạt động quản lý vận hành Khu công nghiệp không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng **56,16 tấn/năm**.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy và bao bì.
- Diện tích lưu chứa: 25 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Tường xây gạch, mái lợp tôn, tường bao quanh, nền bê tông chống thấm; có gờ chống tràn, hố ga thu gom chất thải lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải

- Bùn sau khi ép được chứa trong bao tải buộc kín miệng.

- Nhà ép bùn có diện tích 585 m² (gồm khu vực máy ép bùn 60 m² và khu vực chứa bùn khô sau ép khoảng 525 m²).

- Thiết kế, cấu tạo: Tường xây gạch với chiều cao 1,5 m, mái lợp tôn, nền bê tông chống thấm, có đường ống thu gom nước thải phát sinh từ khu vực ép bùn về Trạm xử lý nước thải tập trung số 02 của Khu công nghiệp để xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng đựng có nắp đậy và bao bì.

- Thùng đựng và bao bì chứa được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN:

1. Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật với diện tích 1.068 ha trên tổng diện tích 1.556,14 ha được phê duyệt của Khu công nghiệp Châu Đức.

2. Những nội dung tiếp tục thực hiện bao gồm:

2.1. Tiếp tục thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trên diện tích 488,14 ha được phê duyệt của Khu công nghiệp.

2.2. Xây dựng và lắp đặt bổ sung mô đun 4 (theo công nghệ mô đun 2); nâng công suất mô đun 1 từ 500 m³/ngày đêm lên 4.000 m³/ngày đêm (theo công nghệ mô đun 1) của Trạm xử lý nước thải tập trung số 02, đảm bảo tổng công suất thiết kế là 19.000 m³/ngày đêm, bao gồm:

2.2.1. Mô đun 1 của Trạm xử lý nước thải tập trung số 02, nâng công suất từ 500 m³/ngày đêm lên 4.000 m³/ngày đêm:

- Quy trình công nghệ như sau: Nước thải → Song tách rác thô → Hồ thu/bể lắng cát 1 → Song chắn rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng 1 và 2 → Mương quan trắc (dùng chung) → Sông Xoài (điểm xả thải chung cả Trạm xử lý nước thải tập trung số 2).

2.2.2. Mô đun 4 của Trạm xử lý nước thải tập trung số 02, công suất 3.000 m³/ngày:

- Quy trình công nghệ như sau: Nước thải → Song tách rác thô → Hồ thu/bể lắng cát 2 → Song chắn rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể kiểm soát → Bể vi sinh Anoxic-Oxic (mương oxy hóa) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng 1 và 2 → Mương quan trắc (dùng chung) → Sông Xoài (điểm xả thải chung cả 3 trạm XLNTTT số 2).

2.3. Xây dựng và lắp đặt bổ sung Trạm xử lý nước thải tập trung số 01 có tổng công suất 7.000 m³/ngày đêm và Trạm xử lý nước thải tập trung số 03 có tổng công suất 19.000 m³/ngày đêm.

- Quy trình công nghệ như sau: Nước thải đầu vào từ khu công nghiệp → Song tách rác thô → Mương lắng cát/Bể thu gom → Song tách rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể kiểm soát → Bể vi sinh Anoxic-Oxic (thiết kế dạng mương oxy hóa) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Quan trắc tự động (dùng chung cả trạm) → Sông Xoài (điểm xả thải chung cả trạm số 01)/sông Cầu (điểm xả thải chung cả trạm số 03).

2.4. Lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát chất lượng nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung số 01, số 03 với thông số trong nước thải đầu ra bao gồm lưu

lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni và truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

2.5. Xây dựng nhà ép bùn và khu lưu giữ bùn thải phát sinh từ Trạm xử lý nước thải tập trung số 01 và số 03.

2.6. Xây dựng kho lưu chứa chất thải nguy hại tại Trạm xử lý nước thải tập trung số 01, số 03 và thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

2.7. Tiếp nhận nước thải từ Khu đô thị Châu Đức gồm Khu đô thị Châu Đức, sân golf Châu Đức và khu dân cư Sonadezi Hữu Phước (khoảng 11.520 m³/ngày đêm) sau xử lý sơ bộ tại Khu này dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung số 02 Khu công nghiệp để xử lý.

2.8. Trồng cây xanh, bảo đảm diện tích cây xanh theo quy định.

2.9. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng theo quy định của pháp luật. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực cơ sở trong quá trình thi công xây dựng. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của cơ sở; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Sau khi hoàn thành các hạng mục trên, Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức có trách nhiệm báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải kiểm soát, chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

2. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng là dầu DO) không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường. Cập nhật và ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng; Bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong khu công nghiệp phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của khu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7. Phối hợp chặt chẽ với các dự án, cơ sở thứ cấp kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

8. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc đã thống nhất, thỏa thuận về tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải với các chủ dự án, cơ sở thứ cấp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thủ tục đầu tư và môi trường theo quy định của pháp luật. Đối với các dự án đang thực hiện thủ tục môi trường, các dự án trong quá trình thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp có thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải, Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức phải đảm bảo có hợp đồng thỏa thuận đầu nối, tiếp nhận nước thải theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đã được phê duyệt tại Giấy phép môi trường này và đảm bảo không có khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải.

9. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo yêu cầu và quy định tại Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định phân vùng nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; các quy định khác của chính quyền địa phương.

11. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.